TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 180/2026/QĐST-HNGĐ	*Đồng Nai, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 563/2026/VHNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Ông Trang Minh T, sinh năm 1992.

Số căn cước công dân: 096092006109, cấp ngày 31/01/2023, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: Ấp Đ, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trịnh Ngọc N, sinh năm 2000.

Số Căn cước: 096300008986, cấp ngày 31/01/2023, nơi cấp Bộ công an.

Nơi thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Nhà ông Ngô Văn T1, số nhà F, đường D, KDC chợ S, tổ A, thôn T, ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Trang Minh T và bà Trịnh Thị N1 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã Đ, tỉnh Đồng Nai) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108/2018 ngày 07/8/2018.

[2]. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 4 năm 2026, ông T, bà N1 đã thỏa thuận thống nhất những nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trang Minh T và bà Trịnh Ngọc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất giao cháu Trang Khả V, sinh ngày 02/01/2020 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà N cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu V thành niên.

Bà N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở bà N thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoảng 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về lệ phí việc dân sự: Ông T, bà N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu số 0008368 và số 0008370 cùng ngày 13 tháng 4 năm 2026. Ông T1, bà N đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trang Minh T và bà Trịnh Ngọc N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất giao cháu Trang Khả V, sinh ngày 02/01/2020 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà N cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 29/4/2026 đến khi cháu V thành niên.

Bà N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở bà N thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoảng 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thực hiện tương đương với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự: Ông T, bà N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu số 0008368 và số 0008370 cùng ngày 13 tháng 4 năm 2026. Ông T, bà N đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Quyết Tâm